

Số: 99/2024/QĐST - DS

C, ngày 26 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2024; về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 371/2023/TLST - DS, ngày 18 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị N sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị N là bà Trần Thị M, sinh năm 1967. Địa chỉ: Khóm D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: 1/Ông Trần Văn Bé T, sinh năm 1979.

2/Bà Đoàn Thị Đ, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: ấp R, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn Bé T và bà Đoàn Thị Đ là bà Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp N, xã H, Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Văn Ú, sinh năm 1953. Địa chỉ: Khóm E, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Bà Trần Thị M là đại diện của bà Trần Thị N với bà Nguyễn Thị Kim N1 là đại diện của ông Trần Văn Bé T, bà Đoàn Thị Đ tự nguyện thỏa thuận là ông Trần Văn Bé T và bà Đoàn Thị Đ có nghĩa vụ giao lại cho bà Trần Thị N

diện tích đất 30,8m² (chiều ngang 15,47 mét và chiều dài 2 mét) thuộc một phần của thửa đất 250, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khóm D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Trần Văn Bé T và bà Đoàn Thị Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Vị trí diện tích đất 30,8m² (tức phần A) được thể hiện theo kết quả đo đạc của Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện C tại Công văn số 38/CNHCL ngày 05 tháng 02 năm 2024 và sơ đồ khu đất kèm theo).

Bà Trần Thị M là đại diện của nguyên đơn với bà Nguyễn Thị Kim N1 là đại diện của bị đơn tự nguyện thỏa thuận là bà N1 thống nhất hỗ trợ cho ông B T và bà Đ số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng)

* Về thời gian giao tiền: Bà Trần Thị M là đại diện của nguyên đơn với bà Nguyễn Thị Kim N1 là đại diện của bị đơn tự nguyện thỏa thuận tại hòa giải (tức ngày 18/3/2024) bà Trần Thị M đại diện cho nguyên đơn giao cho bà Nguyễn Thị Kim N1 đại diện cho bị đơn giao nhận đủ số tiền này.

* Về thời gian giao đất: Bà Trần Thị M là đại diện của nguyên đơn với bà Nguyễn Thị Kim N1 là đại diện của bị đơn tự nguyện thỏa thuận là khi có Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự (tức ngày 26/3/2024) thì ông Bé T và bà Đ có nghĩa vụ giao diện tích đất như đã thỏa thuận cho bà N1.

* Đề nghị Văn phòng Đ1 Chi nhánh huyện C làm thủ tục trình cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông Trần Văn Bé T và bà Đoàn Thị Đ cho bà Trần Thị N diện tích đất được công nhận như đã nêu trên.

* Về chi phí thẩm định và định giá: Là 2.175.000đồng (Hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); bà Trần Thị M đại diện cho nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Kim N1 là đại diện cho bị đơn tự nguyện thỏa thuận mỗi bên chịu phân nửa tức là 1.087.500đồng. Do bà Trần Thị N đã nộp tạm ứng trước và đã chi phí xong, nên số tiền 1.087.500đồng thu được từ ông Bé T và bà Đ được trả cho bà N.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Là 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị Kim N1 là đại diện cho bị đơn tự nguyện thống nhất là ông Bé T và bà Đ nộp toàn bộ số tiền này.

Bà Trần Thị N không phải chịu án phí sơ thẩm. Đối với số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001310, nộp ngày 15 tháng 12 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu được hoàn trả lại bà Trần Thị N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh